

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2021

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, Trường Đại học Hồng Đức thông báo xét tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2021 như sau:

I. Các chuyên ngành xét tuyển nghiên cứu sinh:

- | | |
|---|------------------------|
| - Khoa học cây trồng | - Mã ngành: 9.62.01.10 |
| - Văn học Việt Nam | - Mã ngành: 9.22.01.21 |
| - Lý luận và PPDHBM Văn- Tiếng Việt | - Mã ngành: 9.14.01.11 |
| - Lịch sử Việt Nam | - Mã ngành: 9.22.90.13 |
| - Chỉ tiêu tuyển sinh: 08 NCS (cho cả bốn chuyên ngành) | |

Hình thức và thời gian đào tạo:

- Chính quy tập trung 03 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

- Chính quy không tập trung 04 năm đối với người có bằng thạc sĩ; 05 năm đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

II. Điều kiện xét tuyển nghiên cứu sinh:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ.
2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:
 - a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;
 - b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (quy định tại Phụ lục II) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh). Nhà trường sẽ thành lập hội đồng để thẩm định khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong chuyên môn của thí sinh dự tuyển;

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài có thời gian đào tạo trình độ đại học hoặc thạc sĩ bằng tiếng Việt và do các trường Đại học Việt Nam cấp bằng tốt nghiệp hoặc phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

III. Hồ sơ xét tuyển nghiên cứu sinh:

Hồ sơ xét tuyển bao gồm:

a) Đơn xin dự tuyển (Mẫu 1);

b) Lý lịch khoa học có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (Mẫu 2);

c) Bản sao văn bằng (bằng tốt nghiệp và bằng điểm đại học, thạc sĩ), bằng và bằng điểm đại học hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có) có chứng thực công chứng; kèm theo bản chính để đối chiếu (đối chiếu xong trả lại bản chính); các văn bằng, chứng chỉ khác nếu có. Nếu bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp thì phải có giấy chứng nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận tương đương;

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (đóng thành tập, ghi tên và kê khai danh mục ở trang bìa), cụ thể:

+ Đối với bài báo: Bản sao trang bìa tạp chí, trang có hội đồng biên tập tạp chí, mục lục tạp chí và nội dung bài báo của người dự tuyển.

+ Đối với đề tài nghiên cứu khoa học: Bản sao Quyết định/Hợp đồng giao việc, Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu, biên bản nghiệm thu đề tài và Bản tóm tắt nội dung chuyên đề nghiên cứu (đối với người tham gia và có xác nhận của chủ nhiệm đề tài).

đ) Đề cương nghiên cứu (Mẫu 3);

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (Mẫu 4);

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

h) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Nhà trường (Mẫu 5).

e) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện đa khoa cấp Huyện và tương đương trở lên.

g) 02 ảnh 3x4 và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, điện thoại liên hệ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ (Riêng đề cương nghiên cứu; bài báo minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thư giới thiệu, thí sinh phải chuẩn bị 06 bộ)

Trường Đại học Hồng Đức không hoàn trả lại hồ sơ sau khi nộp.

IV. Thời gian nộp hồ sơ, lệ phí xét tuyển:

- Thời gian nộp hồ sơ NCS: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 12/11/2021

- Thời gian bảo vệ đề cương (*dự kiến*): + Đợt 1: 05/7/2021

+ Đợt 2: 29/11/2021

- Lệ phí xét tuyển: lấy thu bù chi

Chi tiết xin liên hệ: Phòng QLĐT Sau đại học - Trường Đại học Hồng Đức (565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ - Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

Điện thoại: 0273.910.619; Di động: 0919114688; Website: www.hdu.edu.vn/.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để BC);
 - Các Sở, Ban, Ngành trong tỉnh;
 - UBND các huyện, các phòng GD;
 - Các CQ, DN, trường THPT, THCS;
 - Các đơn vị trong trường;
 - Lưu: VT, QLĐTSDH.
- (phối hợp t.hiện)



PGS.TS. Hoàng Thị Mai

PHỤ LỤC I

(Dành cho thí sinh tham gia xét tuyển NCS)

A. DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ SỐ TÍN CHỈ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

1 -CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

1.1. Đối tượng tốt nghiệp ngành đúng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng, Trồng trọt hoặc Di truyền và chọn giống cây trồng được đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Khoa học cây trồng thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ.

1.2. Đối tượng ngành gần bổ sung kiến thức

a. Đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành:

- Bảo vệ thực vật; Khoa học đất; Di truyền thực vật; Sinh lý thực vật; Lâm học; Hệ thống nông nghiệp (lĩnh vực trồng trọt); Công nghệ sinh học (lĩnh vực thực vật) và có bằng tốt nghiệp ngành đúng, phù hợp từ năm 2004 trở về trước.

b. Học bổ sung kiến thức:

- Sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung kiến thức 10 TC.

1.3. Đối tượng là kỹ sư hoặc cử nhân: bằng kỹ sư hoặc cử nhân chuyên ngành Khoa học cây trồng, Trồng trọt, Di truyền và Chọn giống cây trồng, Nông học và Kỹ nghệ hoa viên:

- Dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học cây trồng theo lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường;
- Sau khi trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 36 tín chỉ.

2 - CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

2.1. Đối tượng tốt nghiệp ngành đúng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam dự xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Văn học Việt Nam thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ.

2.2. Đối tượng tốt nghiệp ngành gần cần bổ sung kiến thức

a. Đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành:

- Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Hán nôm, Văn hóa, Lí luận và PPDHBM Văn tiếng Việt, Ngôn ngữ Việt Nam, Ngôn ngữ học, Báo chí, Hán Nôm, Văn Hoá học, Việt Nam học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Châu Á học, Nhân học, Dân tộc học... và tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành đúng từ năm 2000 về trước.

b. Học bổ sung kiến thức:

- Sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung kiến thức 16 TC.

2.3. Đối tượng là cử nhân: bằng cử nhân ngành Ngữ văn, Văn học, Đại học sư phạm Ngữ văn loại khá, giỏi:

- Dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam theo lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường;

- Sau khi trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 30 tín chỉ.

3 -CHUYÊN NGÀNH LÍ LUẬN&PPDH BM VĂN-TIẾNG VIỆT

3.1. Đối tượng tốt nghiệp ngành đúng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sĩ chuyên ngành “Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn- Tiếng Việt” dự xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn-Tiếng Việt thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ.

3.2. Đối tượng tốt nghiệp ngành gần cần bổ sung kiến thức

a. Đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành:

- Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Lí luận văn học, Văn học nước ngoài, Ngôn ngữ Việt Nam và tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành đúng từ năm 2000 về trước.

b. Học bổ sung kiến thức:

- Sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung kiến thức 15 TC.

3.3. Đối tượng là cử nhân: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy một trong các ngành: Ngữ văn, Văn học, Đại học sư phạm Ngữ văn, ĐHSP Văn- Sử loại giỏi trở lên.

- Dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn- Tiếng Việt theo lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường;

- Sau khi trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 24 đến 28 tín chỉ.

4- CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

4.1. Đối tượng tốt nghiệp ngành đúng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam dự xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành Lịch sử Việt Nam thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sĩ.

4.2. Đối tượng tốt nghiệp ngành phù hợp, ngành gần cần bổ sung kiến thức

- Ngành phù hợp:

+ Đại học Sư phạm Lịch sử, cử nhân Lịch sử, Lịch sử- Quản lý Di tích, Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng.

+ Thạc sĩ Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lý luận và PPDH Lịch sử.

- **Ngành gần:** Thạc sĩ Việt Nam học, Chính trị học, Giáo dục chính trị, Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học.

a. Đối tượng tốt nghiệp thạc sĩ các chuyên ngành:

- Khảo cổ học, Dân tộc học, Lịch sử Đảng, Lịch sử thế giới, Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử, Việt Nam học, Chính trị học, Giáo dục chính trị, Văn Hoá học, Quản lý văn hoá, quản lý Nhà nước, Phật học, Tôn giáo học và tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành đúng từ năm 2000 về trước.

b. Học bổ sung kiến thức:

- Sau khi trúng tuyển NCS phải học bổ sung kiến thức 13 TC.

4.3. Đối tượng là cử nhân: Có bằng cử nhân ngành đúng, bằng cử nhân ngành phù hợp loại giỏi:

- Dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam theo lịch thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường;
- Sau khi trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 26 đến 30 tín chỉ

**B. DANH MỤC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ DANH SÁCH CÁC NHÀ KHOA HỌC THAM GIA HƯỚNG DẪN
NGHIÊN CỨU SINH**

1. CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

<i>STT</i>	<i>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu</i>	<i>Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS</i>	<i>Số lượng NCS có thể tiếp nhận</i>
1	Sinh lý sinh thái cây trồng và các biện pháp kỹ thuật trồng trọt	HD1: PGS. TS Nguyễn Huy Hoàng HD2: TS Lê Văn Ninh	1
2	Các biện pháp kỹ thuật trồng trọt	HD1: GS.TS Nguyễn Hồng Sơn HD2: TS. Tống Văn Giang	1
3	Dinh dưỡng cây trồng và các biện pháp kỹ thuật trồng trọt	HD1: GS.TSKH Trần Đình Long HD2: TS Trần Công Hạnh	1

2. CHUYÊN NGÀNH VĂN HỌC VIỆT NAM

<i>STT</i>	<i>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu</i>	<i>Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS</i>	<i>Số lượng NCS có thể tiếp nhận</i>
1	Nghiên cứu văn học Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa	HD1: PGS.TS Nguyễn Hữu Sơn, PGS.TS Lê Tú Anh, HD2: PGS.TS Mai Thị Hồng Hải, TS. Trần Quang Dũng, TS. Nguyễn Văn Thế	1
2	Nghiên cứu văn học trung đại trong mối quan hệ với văn học và văn hóa dân gian	HD1: PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn, GS.TS. Lã Nhâm Thìn HD2: PGS.TS Lại Văn Hùng, TS. Trần Quang Dũng, PGS.TS Mai Thị Hồng Hải	1
3	Văn học Hán Nôm Thanh Hóa	HD1: PGS.TS Nguyễn Hữu Sơn	1

		HD2: PGS.TS. Lại Văn Hùng, TS. Trần Quang Dũng, TS. Nguyễn Văn Thế	
4	Văn xuôi Việt Nam đầu thế kỷ XX	HD1: PGS.TS Lê Tú Anh, PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn HD2: PGS.TS. Lại Văn Hùng, PGS.TS. Phan Huy Dũng	1
5	Nghiên cứu thành tựu văn học các địa phương	HD1: PGS.TS Nguyễn Hữu Sơn, PGS.TS Lê Tú Anh. HD2: TS. Trần Quang Dũng, TS. Nguyễn Văn Thế, TS. Hoàng Thị Huệ	1
6	Tiểu thuyết Việt Nam sau 1975	HD1: PGS.TS Lê Tú Anh HD2: TS. Hoàng Thị Huệ, TS. Nguyễn Thanh Tâm, PGS.TS. Phan Huy Dũng	1
7	Truyện ngắn Việt Nam sau 1975	HD1: PGS.TS Lê Tú Anh HD2: TS. Hoàng Thị Huệ, TS. Nguyễn Thanh Tâm, TS. Nguyễn Văn Đông	1
8	Văn học hiện đại các dân tộc thiểu số Việt Nam	HD1: PGS.TS Nguyễn Hữu Sơn, PGS.TS Lê Tú Anh HD2: TS. Hoàng Thị Huệ, TS. Nguyễn Thanh Tâm, TS. Nguyễn Văn Đông	1
9	Tiếp nhận văn học Việt Nam từ sau 1975	HD1: PGS.TS Lê Tú Anh HD2: PGS.TS Phan Huy Dũng, TS. Nguyễn Thanh Tâm, TS. Hoàng Thị Huệ,	1
10	Nghiên cứu thành tựu văn học Việt Nam sau ba mươi năm đổi mới (1986-2016)	HD1: PGS.TS Lê Tú Anh HD2: TS. Hoàng Thị Huệ, TS. Nguyễn Văn Đông TS, Nguyễn Thanh Tâm, PGS.TS Phan Huy Dũng,	1

3. CHUYÊN NGÀNH LỊCH SỬ VIỆT NAM

<i>STT</i>	<i>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu</i>	<i>Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS</i>	<i>Số lượng NCS có thể tiếp nhận</i>
1	Quá trình hình thành và phát triển của các làng Việt cổ truyền	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, NGND.GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Lê Ngọc Tạo	5
2	Lịch sử văn hóa làng xã Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, NGND.GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy HD2: TS. Vũ Quý Thu.	3
3	Không gian lịch sử- văn hóa làng xã Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, NGND.GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu.	5
4	Quá trình hình thành và phát triển các đô thị Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS. Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS Lê Sỹ Hưng.	4
5	Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự Việt Nam	HD1: PGS.TS Trần Ngọc Long, PGS.TS Trần Văn Thức, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Lê Sỹ Hưng.	4
6	Lịch sử tôn giáo Việt Nam	HD1; NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, PGS.TS. Mai Văn Tùng.	3
7	Lịch sử tư tưởng Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Lê Sỹ Hưng.	3

8	Sự hình thành và phát triển các dân tộc Việt Nam	HD1: NGND.GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Ngọc Long, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, PGS.TS. Mai Văn Tùng.	3
9	Lịch sử giáo dục và khoa cử Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thúc. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Nguyễn Thị Thu Hà.	4
10	Các trung tâm kinh tế Việt Nam trong lịch sử	HD1: GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thúc. HD2: TS. Nguyễn Thị Thu Hà, TS. Lê Thanh Thủy	4
11	Lịch sử của các di tích lịch sử- văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam	HD1: NGND.GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thúc, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Hà Mạnh Khoa, TS. Lê Ngọc Tạo.	5
12	Quá trình hình thành và phát triển các không gian lịch sử- văn hóa Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Hà Mạnh Khoa, TS. Lê Ngọc Tạo.	3
13	Nông thôn Việt Nam trong lịch sử	HD1: NGND.GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Hà Mạnh Khoa, TS. Lê Ngọc Tạo. TS. Vũ Quý Thu.	3
14	Tình hình ruộng đất và kinh tế nông nghiệp trong lịch sử Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Hà Mạnh Khoa, TS. Lê Ngọc Tạo. TS. Vũ Quý Thu,	3
15	Các mô hình kinh tế- xã hội trong lịch sử Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Văn Thúc, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thu Hà, TS. Lê Sỹ Hưng.	3
16	Khởi nghĩa nông dân trong thời kỳ cổ- trung đại Việt Nam	HD1: NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS Phạm Hồng Tung, PGS.TS Trần Ngọc Long, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà.	3

17	Vị trí, vai trò của Thanh Hóa trong tiến trình lịch sử dân tộc	HD1: NGND.GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, PGS.TS. Trần Văn Thúc. HD2: TS. Lê Ngọc Tạo, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà.	5
18	Lịch sử các dòng họ tiêu biểu ở Việt Nam	HD1: NGND.GS.TS. Nguyễn Quang Ngọc, NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS. Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà,	5
19	Các nhân vật lịch sử và danh nhân văn hóa tiêu biểu của Việt Nam	HD1; NGND.GS.TSKH. Vũ Minh Giang, GS.TS. Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Hà Mạnh Khoa, TS. Lê Ngọc Tạo, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà	5
20	Việt Nam trong mối quan hệ với các nước trong khu vực và thế giới.	HD1: NGND, GS.TS. Vũ Minh Giang, GS.TS. Phạm Hồng Tung, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: PGS.TS Nguyễn Đức Nhuệ, TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà,	3
21	Cách mạng tháng Tám 1945 ở các địa phương trong cả nước	HD1: GS.TS, Phạm Hồng Tung, PGS.TS. Trần Văn Thúc, PGS.TS Nguyễn Thị Thúy. HD2: TS. Vũ Quý Thu, TS. Nguyễn Thị Thu Hà.	5

4. CHUYÊN NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN VĂN-TIẾNG VIỆT

<i>TT</i>	<i>Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu</i>	<i>Họ tên, học hàm, học vị người có thể hướng dẫn NCS</i>	<i>Số lượng NCS có thể tiếp nhận</i>
1	Phát triển chương trình môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông Việt Nam	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS. Phạm Thị Anh	3
2	Vận dụng các lí thuyết phê bình văn học phương Tây hiện đại vào việc đổi mới phương pháp dạy học văn ở nhà trường Việt Nam	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3

3	Vận dụng các thành tựu của Tâm lí học, Giáo dục học hiện đại vào việc đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn ở nhà trường Việt Nam	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
4	Dạy học văn theo hướng phát triển năng lực học sinh và đáp ứng nhu cầu xã hội	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
5	Phát triển các năng lực trí tuệ xúc cảm, kĩ năng sống cho HS qua dạy học Ngữ văn	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
6	Chuẩn đầu ra của việc học Ngữ văn và dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra.	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
7	Xây dựng câu hỏi, bài tập trong dạy học Ngữ văn	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
8	Văn bản và dạy học tạo lập văn bản trong nhà trường phổ thông	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Nguyễn Quang Ninh PGS.TS Bùi Minh Đức, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: PGS.TS Hoàng Thị Mai	3
9	Tích hợp trong dạy học Ngữ văn	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
10	Đa trí tuệ trong lớp học và dạy học phân hóa môn Ngữ văn đáp ứng nhu cầu xã hội	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
11	Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở trường phổ thông theo hướng phát triển	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phụng	3

	phẩm chất, năng lực người học.	HD2: TS Phạm Thị Anh	
12	Phát triển năng lực dạy học Ngữ văn.	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
13	Các lí thuyết học tập và chiến lược phát triển năng lực người học trong dạy học tạo lập văn bản	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
14	Phương pháp, kĩ thuật dạy học làm văn	HD1: GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
15	Xây dựng bài tập trong dạy học tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực học sinh	HD1: PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức, PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
16	Quan điểm hệ thống và quan điểm giao tiếp trong dạy học tiếng Việt	HD1: PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, GS.TS Nguyễn Thanh Hùng PGS.TS Bùi Minh Đức, PGS.TS Hoàng Thị Mai PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
17	Vận dụng lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại vào dạy học tiếng Việt	HD1: PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
18	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh trong dạy học tiếng Việt	HD1: PGS.TS Nguyễn Quang Ninh, GS.TS Nguyễn Thanh Hùng, PGS.TS Bùi Minh Đức, PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3
19	Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông	HD1: PGS.TS Hoàng Thị Mai, PGS.TS Lê Thị Phụng HD2: TS Phạm Thị Anh	3

